TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2024/HNGĐ-ST Ngày: 16-01-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm

Ông Nguyễn Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 373/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Phan Thị Bích N, sinh năm 1988. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* ông Trần V, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Bà Phan Thị Bích N và ông Trần Võ tự N1 kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81, ngày 10/12/2008.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu thì vợ chồng khá hạnh phúc. Từ năm 2020, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông V đi làm nhưng không đóng góp lo cho gia đình vợ con mà chỉ lo tính toán thiệt hơn với vợ con, lo cho bên phía gia đình ông V

mà coi thường phía gia đình bà N, thường xuyên cằn nhằn vợ con. Giữa hai vợ chồng không thể nói chuyện với nhau mà thường xuyên cãi vã, hơn thua với nhau. Bà N thường xuyên phải nín nhịn để gia đình không bất hòa nhưng ông V ngày càng lấn tới, ghen tuông vô cớ, sỉ nhục bà N, hai vợ chồng hoàn toàn không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Võ .

Về con chung: bà N và ông V có 02 con chung là Trần Thị Xuân M, sinh ngày 11/01/2010 và Trần Quốc T, sinh ngày 26/4/2012. Bà Phan Thị Bích N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Trần Thị Xuân M, để ông Trần V được trực tiếp nuôi con chung là Trần Quốc T. Hai con chung hiện đang sống cùng với bà N và ông V tại tổ E, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà N hiện đang bán cửa hàng tạp hóa tại nhà thu nhập hàng tháng khoảng 5 triệu đồng, ông V thì làm lái xe thu nhập mỗi tháng khoảng 13 triệu đồng nên mỗi người chỉ có khả năng nuôi 01 con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần V nhưng ông V không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Bích N vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Võ vắng M1 lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Phan Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần V và yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Trần V đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Bích N vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại

phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 10/12/2008, bà Phan Thị Bích N và ông Trần Võ tự N1 kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông V là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Xét thấy, bà N xác định giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông V không lo cho gia đình vợ con, coi thường phía gia đình bà N. Giữa hai vợ chồng không thể nói chuyện với nhau mà thường xuyên cãi vã, hơn thua với nhau, ông V ngày càng lấn tới, ghen tuông vô cớ, sỉ nhục bà N, hai vợ chồng hoàn toàn không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông V nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông V cũng không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà N và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: quá trình chung sống, bà N và ông V có 02 con chung là Trần Thị Xuân M, sinh ngày 11/01/2010 và Trần Quốc T, sinh ngày 26/4/2012. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Trần Thị Xuân M, để ông Trần V được trực tiếp nuôi con là Trần Quốc T. Xét thấy, hai con chung hiện đang sống cùng với bà N và ông V. Bà N, ông V đều có công việc và nơi ở ổn định nên việc để mỗi người nuôi 01 con chung là phù hợp. Do đó, yêu cầu của bà N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Phan Thị Bích N phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Bích N đối với bị đơn ông Trần Võ V1 việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Bích N được ly hôn với ông Trần Võ .

1.2. Về con chung: giao con chung là Trần Thị Xuân M, sinh ngày 11/01/2010 cho bà Phan Thị Bích N được quyền trực tiếp nuôi. Giao con chung là Trần Quốc T, sinh ngày 26/4/2012 cho ông Trần V được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Phan Thị Bích N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0004317 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- UBND xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung